

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam.
2. Địa chỉ: tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. Điện thoại: 028 38257110 Fax:
4. E-mail: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

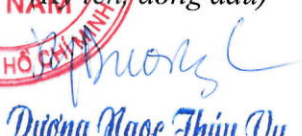
1. Tên sản phẩm: **NẮP NHỰA DREAMCAP**
2. Thành phần: Nhựa polyethylene (PE)
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong túi nilon, sau đó được đóng gói trong thùng carton. Các thùng được xếp lên pallet. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
 - Quy cách đóng gói: 3,600 cái / thùng carton
 - Kích thước sản phẩm:
 - + Khối lượng nắp: 3,70 g $\pm$ 0.10 %
 - + Dài: 28.4 (mm) $\pm$ 0.2 (mm)
 - + Rộng: 36.2 (mm) $\pm$ 0.3 (mm)
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (nếu có):
 - Nhà sản xuất: Tetra Pak (Thailand) Limited
 - Địa chỉ sản xuất: Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty kinh doanh sản phẩm *Nắp nhựa Dreamcap* đạt yêu cầu an toàn thực phẩm (để tiếp xúc với các loại thực phẩm và thức uống không chứa cồn) theo:
QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
2. Mô tả mẫu, bao bì ghi nhãn: xem Phụ lục kèm theo.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

TP. HCM, ngày 14 tháng 07 năm 2019
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

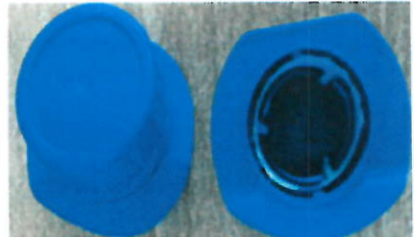

Dương Ngọc Thủy Vy

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 22/TTP/2019

PHỤ LỤC

1. Mô tả sản phẩm: *NẮP NHỰA DREAMCAP*



2. Bao bì ghi nhãn:

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Vật liệu cấu tạo phần tiếp xúc thực phẩm: Nhựa PP

Kích thước sản phẩm: Khối lượng nắp: $3,70g \pm 0.10\%$, Dài: $28.4 (mm) \pm 0.2 (mm)$, Rộng: $36.2 (mm) \pm 0.3 (mm)$

Hướng dẫn sử dụng: dùng làm nắp đậy hộp sản phẩm dạng lỏng. Mở thùng carton, dùng dụng cụ sạch chuyển nắp vào hộp chứa của máy dán nắp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản: Nắp thùng phải được dán kín trong quá trình bảo quản và lưu thông. Sản phẩm cần được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp. Điều kiện kho bảo quản: nhiệt độ từ $10^\circ C - 40^\circ C$

Ngày sản xuất: xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Hạn sử dụng: xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: Thailand

Nhà sản xuất: Tetra Pak (Thailand) Limited

Địa chỉ: Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi:

Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam

Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 38277100



Số: 1324/N3.19/ĐG

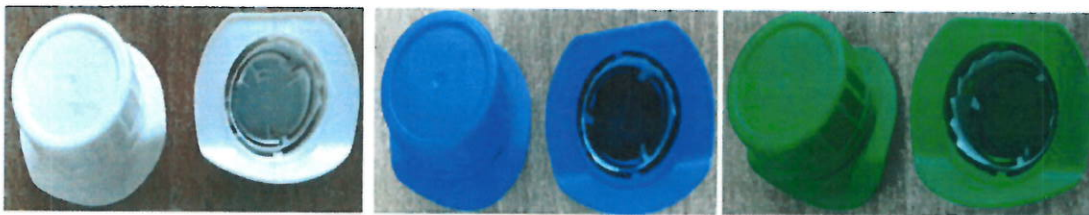
Ngày: 14/06/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Nắp nhựa Dreamcap (màu trắng, xanh dương và xanh lá).
3. Số lượng mẫu : 03
4. Ngày nhận mẫu : 07/06/2019
5. Căn cứ giám định :
 - 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm
 - 5.2) 21CFR 178.3297 - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

6.1) Mô tả mẫu:



6.2) Kết quả thử nghiệm: (xem trang 2/2)

7. **Kết luận:** Ba mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm nêu tại mục 6.2 phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với **Nắp nhựa** tiếp xúc trực tiếp với các loại **thực phẩm, thức uống không chứa cồn**.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho các mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN

Đặng Thị Bùi Oanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Mai Văn Sùng

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Số: 1324/N3.19/DG - Trang 2/2

6.2) Kết quả thử nghiệm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả thử nghiệm trên mẫu			Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
		Nắp màu trắng	Nắp màu xanh dương	Nắp màu xanh lá	
1	Định danh nhựa (nắp và răng cưa)	Polyethylen, Polypropylen	Polyethylen, Polypropylen	Polyethylen, Polypropylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1
2	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g				100
	• Chì (Pb)	< 5	< 5	< 5	
	• Cadimi (Cd)	< 5	< 5	< 5	
	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL				30
3	• Trong nước, 60°C, 30 phút	< 5	< 5	< 5	
	• Trong axit axetic 4 %, 60°C, 30 phút	< 5	< 5	< 5	
	• Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	20	20	22	
4	Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu tại mục stt3	Không thôi màu	Không thôi màu	Không thôi màu	Không thôi màu
5	Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	< 1	< 1	1
6	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	< 1	< 1	10



KT3-02975AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/06/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : M1: NẮP NHỰA DREAMCAP (MÀU XANH DƯƠNG)
M2: NẮP NHỰA DREAMCAP (MÀU TRẮNG)
M3: NẮP NHỰA DREAMCAP (MÀU XANH LÁ)
2. Số lượng mẫu : 03
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
1324/N3.19/ĐG/C
M1: Nhiều nắp nhựa màu xanh dương, răng cưa màu trắng
M2: Nhiều nắp nhựa màu trắng, răng cưa màu trắng
M3: Nhiều nắp nhựa màu xanh lá, răng cưa màu trắng
4. Ngày nhận mẫu : 08/06/2019
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 10/06/2019 – 14/06/2019
7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG



Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến / Test results are valid for the sample(s) submitted only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 LZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai LZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm		
				M1	M2	M3
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại - bên ngoài - bên trong - răng cưa THỬ VẬT LIỆU	-	ASTM E 1252 - 98	-	PE PP + PE PP	PE PP + PE PP	PE PP + PE PP
7.2 Hàm lượng chì - xanh dương - xanh lá - trắng	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH - KPH	- - KPH	- KPH KPH
7.3 Hàm lượng cadimi - xanh dương - xanh lá - trắng THỬ NGÂM THÔI NHIỄM	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH - KPH	- - KPH	- KPH KPH
7.2 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	< 1	< 1
7.3 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH	KPH	KPH
7.4 Hàm lượng cặn khô - Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C - Trong nước sau 30 phút ở 60 °C - Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	20,0	20,5	22,5
	µg/mL		5,0	KPH	KPH	KPH
	µg/mL		5,0	KPH	KPH	KPH
7.7 Khả năng thôi màu - Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C - Trong nước sau 30 phút ở 60 °C - Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	-	ISO 175 : 2010	-	KTM	KTM	KTM
	-		-	KTM	KTM	KTM
	-		-	KTM	KTM	KTM

Ghi chú: KPH: không phát hiện; KTM: không thôi màu; PE: Polyethylene; PP: Polypropylene